

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 10 - 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thương,
2. Ông Trần Minh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12 tháng 7 năm 2021, được bổ sung tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10-02-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ Anh tại thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình được một thời gian thì làm nhà ở riêng. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do đứa con khi sinh ra bị teo não bẩm sinh, hơn nữa vợ chồng mới làm nhà còn nợ nần nhiều, khó khăn về kinh tế nên chị X chán nản, vợ chồng xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, chị X đã bỏ nhà đi, không tin tức, liên lạc gì với gia đình từ năm 2018 đến nay. Năm 2018, Anh đã làm đơn xin ly hôn chị X tại Tòa án, do không có địa chỉ của chị X nên không giải quyết được. Tháng 12 năm 2020, Anh làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị X mất tích theo quy định của pháp luật, Tòa án đã giải quyết tuyên bố chị Nguyễn Thị X mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐ-VDS, ngày 15 tháng 6 năm 2021. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, hiện nay Anh xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn chị X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên là Trần Thị Ánh T, sinh ngày 21-7-2016, hiện đang sống cùng Anh. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của Anh xin được nuôi con Trần Thị Ánh T và yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, Anh không yêu cầu chị X cấp dưỡng, sau này nếu chị X về Anh sẽ yêu cầu sau.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Anh có một số tài sản chung, nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập, nhưng vắng mặt. Ngày 10 tháng 8 năm 2021, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, lấy lời khai của ông Nguyễn Văn S - bố đẻ chị X, ông S cho biết: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị X tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 2014, sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh T được một thời gian thì làm nhà ở riêng. Nguyễn Thị X bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay, không tin tức, liên lạc về với gia đình, Ông không biết lý do vì sao X lại bỏ đi. Hiện nay, anh Trần Văn T làm đơn xin ly hôn đó là quyền của T quyết định, Ông không có ý kiến gì.

Vợ chồng T - X có 01 con chung, tên là Trần Thị Ánh T, sinh ngày 21-7-2016, hiện đang sống cùng T. Việc con cái ở với ai do bố mẹ (T, X) quyết định và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng X - T có 01 ngôi nhà làm vào năm 2015 và một số tài sản khác, Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông đã nhận được Quyết định tuyên bố mất tích, Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án. X bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018 đến nay, không tin tức, liên lạc gì về cho gia đình, Ông không biết hiện nay X đi đâu, làm gì, từ khi có Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án, X cũng không trở về và cũng không có tin tức gì cho gia đình.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị X. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao con Trần Thị Ánh T cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời không buộc chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này anh T, chị X có tranh chấp về tài sản sẽ giải quyết vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị X, có địa chỉ thôn T, xã V, huyện Q và giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị X, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị X lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, do kinh tế gia đình khó khăn, con bị teo não bẩm sinh, nên vợ chồng xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, làm ảnh hưởng đến tình cảm, hạnh phúc gia đình. Chị Nguyễn Thị X đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018 đến nay, không có tin tức, liên lạc với gia đình và anh T. Anh T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích; ngày 15 tháng 6 năm 2021, Tòa án đã quyết định tuyên bố chị Nguyễn Thị X mất tích tại Quyết định số 01/2021/QĐ-VDS. Sau khi tuyên bố mất tích đến nay, chị X không trở về và cũng không có tin tức gì cho gia đình và anh T. Điều đó, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, chị X không có mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị X có 01 con chung tên Trần Thị Ánh T, sinh ngày 21-7-2016. Anh T có nguyện vọng xin

được nuôi con, vì con đã sống với Anh từ nhỏ, chị X bỏ đi và hiện nay cũng không có tin tức gì, hơn nữa cháu T bị bệnh teo não bẩm sinh nằm tại chỗ, không đi lại được từ khi mới sinh đến nay. Xét thấy, nguyện vọng xin nuôi con của anh T là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu chị X cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, tại phiên tòa hôm nay, anh T xác định, do chị X mất tích nên tạm thời Anh không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng Anh; sau này, chị X trở về Anh sẽ yêu cầu là hoàn toàn phù hợp.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Trần Văn T khai vợ chồng có một số tài sản chung, nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Sau này anh T, chị X có tranh chấp về tài sản sẽ giải quyết vụ án khác.

[6] Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị X.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao cháu Trần Thị Ánh T, sinh ngày 21-7-2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2021 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm thời không buộc chị Nguyễn Thị X cấp dưỡng tiền nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Văn T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã V;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn